

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của những người yêu cầu trong việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 118/2022/TLST-KDTM ngày 10/6/2022, gồm: Ngân hàng TMCP V, địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, TP Hà N; Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; Bà Đặng Thị H, sinh năm 1972; Chị Nguyễn Thương H, sinh năm 1993; Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1997, cùng trú tại: Đào T, Thụy L, Đông A, Hà N.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP V (V)

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Ngân hàng TMCP V (V);

Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, TP Hà N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý theo Văn bản uỷ quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của ông Ngô Chí D.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng:

- Ông Đỗ Hải A – Trưởng bộ phận Xử lý nợ V;

- Ông Trần Hải N – Chuyên viên xử lý nợ V;

(Theo Giấy uỷ quyền số 719/2022/UQ-LCC- KHCNPUN ngày 06/4/2022).

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965;

- Bà Đặng Thị H, sinh năm 1972;

- Chị Nguyễn Thương H, sinh năm 1993;
- Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1997;

Cùng trú tại: Đào T, Thụy L, Đông A, Hà N.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 6 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 6 năm 2022, cụ thể như sau:

1) Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H ký Hợp đồng tín dụng số LN1912202010488 ngày 02/1/2020; ông C, bà H vay tiền của Ngân hàng là:

- Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 120 tháng.
- Mục đích vay: Bổ sung đầu tư tài sản cố định cho kinh doanh sản xuất đồ gỗ.

Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9.4%/năm trong khoảng thời gian 12 tháng; sau đó, lãi xuất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần.

2) Hợp đồng tín dụng vay online số LD2103600261 ký ngày 05/02/2021. Theo đó, ngân hàng TMCP V cho ông C vay:

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 48 tháng.
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng.
- Lãi suất trong hạn: theo quy định của V.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

3) Hợp đồng thẻ tín dụng số 135-P-5108990. Theo đó, số tiền ông C vay của ngân hàng TMCP V:

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 60 tháng.
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng.
- Lãi suất trong hạn: theo quy định của V.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

## 2.2. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là:

Toàn bộ Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 47 (nay là 47(2)), tờ bản đồ số 04 tại thôn Đào T, xã Thụy L, huyện Đông A, Hà N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số Đ256417, số vào sổ cấp GCN: 1686 QSDĐ/TL do UBND huyện Đông A, Hà N cấp ngày 30/11/2004 đứng tên Hộ gia đình ông Nguyễn Văn C.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tên, ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng.

Tính đến ngày 06/6/2022, ông C và bà H còn nợ ngân hàng cụ thể:

- Nợ gốc: 1.332.610.270 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 32.409.295 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 163.394.054 đồng.
- Phạt chậm trả: 8.542.790 đồng.
- Thẻ tín dụng: 92.545.077 đồng.

Tổng nợ: 1.629.501.486 đồng.

## 3). Thỏa thuận về thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn và nghĩa vụ của người thế chấp tài sản:

- Về trả nợ: Hai bên thống nhất đến ngày 30/6/2022, ông C, bà H có trách nhiệm thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên cả gốc và lãi đối với ngân hàng.

- Lãi suất phải trả sau khi lập biên bản hoà giải thành: Kể từ ngày 07/6/2022, bị đơn phải tiếp tục chịu khoản lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

- Trường hợp bị đơn vi phạm thỏa thuận nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng.

- Về lệ phí: ông C, bà H tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- Lưu TA.

**THẨM PHÁN**

**Triệu Thuý Hà**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐHG:**

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).
  - (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).
  - (3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.
  - (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.
  - (5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.
  - (6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).
- (7) Ghi đầy đủ, lần lượt các thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.